

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

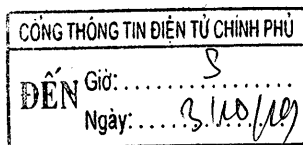
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39 /2019/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 27 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý hoạt động cấp nước
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9

năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống (QCVN 01:2009/BYT);

Căn cứ Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN 02:2009/BYT);

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng” (QCVN 01:2008/BXD);

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật (QCVN 07:2016/BXD);

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2018/BYT);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số: 1951/TTr-SXD ngày 25 tháng 9 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và thay thế các quyết định sau:

a) Quyết định số 3634/2002/QĐ-UB ngày 29 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy định về quản lý hệ thống cung

cấp và sử dụng nước máy tại tỉnh Bến Tre.

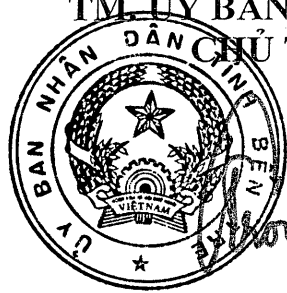
b) Quyết định số 264/2006/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3634/2002/QĐ-UB ngày 29 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Quyết định số 332/2005/QĐ-UB ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động cung cấp và sử dụng nước sinh hoạt ở nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB QPPL – Bộ TP (để kiểm tra);
- Website Chính phủ; /
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (để báo cáo);
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Đồng Khởi;
- Các phòng NC: TH, TCĐT, KT;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, SXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng

QUY ĐỊNH

Về việc quản lý hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 39 /2019/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý hoạt động cấp nước trên phạm vi toàn tỉnh Bến Tre bao gồm khu vực đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu vực nông thôn.

2. Những nội dung không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan nhà nước được phân công quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hệ thống cấp nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý về hoạt động cấp nước, có phân cấp, phân công trách nhiệm theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước, có xét đến việc hỗ trợ cấp nước cho người nghèo, các khu vực đặc biệt khó khăn.

2. Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Ưu tiên khai thác các nguồn nước để phục vụ cấp nước cho mục đích sinh hoạt, ăn uống của cộng đồng, người dân, đặc biệt là nguồn nước mặt hướng tới hạn chế khai thác nước ngầm.

3. Nhà nước có trách nhiệm định hướng phát triển hệ thống cấp nước nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng; đồng thời khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức cá nhân tham gia phát triển và bảo vệ hệ thống cấp nước.

4. Việc phát triển hệ thống cấp nước phải thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm về bảo vệ mạng lưới cấp nước. Các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến an toàn cấp nước được xử lý nghiêm theo các quy định hiện hành.

Chương II **QUẢN LÝ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC**

Điều 4. Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

1. Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (*ăn uống, vệ sinh của con người*) phải bảo đảm theo các quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Đối với khu vực đô thị, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiếp tục áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT cho đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021.

3. Đối với khu vực nông thôn, các nhà máy nước đang hoạt động tiếp tục áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt QCVN 02:2009/BYT theo năng lực đã được cấp phép; các nhà máy nước xây dựng mới áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT cho đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021.

4. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, thống nhất trên toàn tỉnh áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Quy chuẩn này được xây dựng trên cơ sở Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT.

Điều 5. Áp lực nước tự do

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, áp lực nước tự do nhỏ nhất trong đường ống có đường kính từ 100mm trở lên không được nhỏ hơn 10m cột nước tính từ mặt đất; áp lực nước tự do nhỏ nhất tại điểm đầu nối cho khách hàng sử dụng nước không được nhỏ hơn 5m cột nước và không cao hơn 40m cột nước tính từ mặt đất.

Điều 6. Tiêu chuẩn cấp nước

1. Trong vùng phục vụ cấp nước, các đơn vị cấp nước có trách nhiệm đảm bảo lưu lượng nước cấp theo yêu cầu của khách hàng sử dụng nước và đảm bảo năng lực cấp nước theo quy hoạch, kế hoạch cấp nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt tối thiểu được áp dụng trên địa bàn tỉnh như sau: 150 lít/người/ngày đêm đối với thành phố Bến Tre; 120 lít/người/ngày đêm đối với các đô thị loại IV và loại V; 100 lít/người/ngày đêm đối với khu vực nông thôn.

3. Các khu công nghiệp và cụm công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo nhu cầu về áp lực và lưu lượng.

Điều 7. Chi phí xây dựng hệ thống ống dịch vụ và đồng hồ đo nước

1. Đối với khu vực đô thị, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đầu nối của khách hàng sử dụng nước bao gồm cả đồng hồ đo nước theo thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước.

2. Đối với khu vực nông thôn, từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, các đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đầu nối của khách hàng sử dụng nước bao gồm cả đồng hồ đo nước theo thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước.

Điều 8. Di dời hệ thống mạng lưới ống cấp nước

Việc di dời hệ thống mạng lưới ống cấp nước do đơn vị cấp nước quản lý phải được đơn vị cấp nước thực hiện và trong những trường hợp sau:

1. Di dời để phù hợp với nhu cầu xây dựng các công trình như: nhà, đường, cầu cảng, công trình thoát nước, điện lực, bưu chính viễn thông, công trình chỉnh trang đô thị theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chủ đầu tư các dự án công trình xây dựng liên hệ với đơn vị cấp nước có liên quan xác định khối lượng cần di dời; chi phí di dời nằm trong tổng mức chi phí của dự án.

2. Di dời theo yêu cầu của khách hàng sử dụng nước và phù hợp với các điều kiện quản lý mạng cấp nước của đơn vị cấp nước. Trường hợp này, chi phí di dời do bên khách hàng sử dụng nước chịu trách nhiệm thanh toán cho đơn vị cấp nước theo định mức, đơn giá tại thời điểm yêu cầu.

Điều 9. Hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ đo nước

1. Hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ đo nước do khách hàng sử dụng nước tự thiết kế, lắp đặt phải thích hợp với các thiết bị, đường ống của đơn vị cấp nước, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định. Khi khách hàng sử dụng nước đề nghị đơn vị cấp nước thiết kế, lắp đặt hệ thống cấp nước sau đồng hồ đo nước thì đơn vị cấp nước và khách hàng tự thỏa thuận thực hiện.

2. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm kiểm tra đồng hồ đo nước định kỳ và được phép kiểm tra hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ của khách hàng.

Điều 10. Tạm ngừng dịch vụ cấp nước

Đơn vị cấp nước được tạm ngừng dịch vụ cấp nước trong các trường hợp sau:

1. Hệ thống cấp nước bị sự cố, hư hỏng đột xuất, hoặc di chuyển, sửa chữa, cải tạo theo kế hoạch hàng năm của đơn vị cấp nước. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thông báo cho khách hàng trên các phương tiện thông tin đại chúng và chuẩn bị phương án cấp nước thay thế trong thời gian khắc phục sự cố. Trong trường hợp thời gian tạm ngừng cung cấp nước quá 03 ngày hoặc phạm vi ảnh hưởng trên 30 khách hàng sử dụng nước, đơn vị cấp nước phải kịp thời báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước theo phân cấp và chính quyền cấp xã tại khu vực bị ảnh hưởng.

2. Khi có quyết định hoặc đề nghị bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp khác được quy định tại Khoản 1 Điều 45 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ.

Điều 11. Cung cấp nước phòng cháy, chữa cháy

1. Đơn vị cấp nước đảm bảo cung cấp đủ áp lực, lưu lượng cho hệ thống họng, trụ cứu hỏa trên mạng lưới cấp nước tại các khu vực đô thị, khu dân cư và khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

2. Hệ thống các trụ cứu hỏa phải được lắp đặt theo quy định. Các họng cứu hỏa phải bảo đảm luôn luôn có nước với áp lực tối thiểu theo tính toán của mạng lưới đường ống. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy chịu trách nhiệm quản lý hệ thống các họng, trụ cứu hỏa và thanh toán lượng nước sử dụng thực tế cho đơn vị cấp nước.

3. Các hành vi xâm phạm, gây thiệt hại đến hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy; các hành vi gây cản trở, trì hoãn việc lấy nước phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước

1. Đối với các khu vực dân cư tập trung hiện có: Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với đơn vị cấp nước rà soát các khu vực chưa có dịch vụ cấp nước và lập kế hoạch đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước trên cơ sở xác định nhu cầu thực tế của người dân.

2. Đối với khu dân cư mới, khu đô thị mới, khu chung cư, thương mại, dịch vụ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách: Nhà nước đầu tư mạng lưới cấp nước và bàn giao cho đơn vị cấp nước thực hiện quản lý cung cấp nước sạch, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng.

3. Đối với khu dân cư mới, khu đô thị mới, khu chung cư, khu thương mại, dịch vụ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp không được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách: Chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư mạng lưới cấp nước trong phạm vi dự án, thực hiện đầu nối theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và thỏa thuận đầu nối với đơn vị quản lý cấp nước, trừ trường hợp được phép tự sản xuất và cung cấp nước sạch. Đơn vị cấp nước thực hiện lắp đặt đồng hồ tổng và cấp nước đến ranh dự án.

Điều 13. Giá nước sạch

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giá nước và ban hành biểu giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre, phù hợp với khung giá được quy định tại Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt.

2. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, biểu giá nước sạch sinh hoạt được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Giá nước sạch được điều chỉnh khi có sự thay đổi về công nghệ xử lý nước, quy chuẩn chất lượng dịch vụ, biến động về giá cả thị trường, sự thay đổi về cơ chế chính sách của Nhà nước và theo lộ trình điều chỉnh giá nước được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 14. Xây dựng, cập nhật, quản lý dữ liệu cấp nước

1. Dữ liệu hệ thống cấp nước bao gồm:

a) Đối với nhà máy nước: Đơn vị quản lý, vị trí, công suất, tính chất nguồn nước thô, công nghệ xử lý, chất lượng nước sau xử lý.

b) Đối với trạm bơm: Đơn vị quản lý, vị trí, công nghệ, công suất, áp lực.

c) Đối với mạng lưới đường ống trước đồng hồ đo nước: Đơn vị quản lý, vị trí, đường kính, chất liệu, thời điểm đầu tư, tình trạng sử dụng.

2. Dữ liệu hệ thống cấp nước được đơn vị cấp nước chủ động xây dựng, quản lý và cập nhật thường xuyên.

Điều 15. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục xử lý sự cố hệ thống cấp nước

Đơn vị cấp nước quản lý hệ thống cấp nước có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức xử lý sự cố đối với hệ thống cấp nước (nguồn nước, đường ống, trạm bơm tăng áp, trạm clo, công trình xử lý nước, chất lượng nước) theo nguyên tắc, nội dung, trình tự sau đây:

1. Nguyên tắc:

a) Báo cáo sự cố và phối hợp giải quyết sự cố đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, đúng trình tự quy định.

b) Khẩn trương, kịp thời khắc phục sự cố và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra do sự cố.

c) Đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ nguyên nhân sự cố để xử lý dứt điểm sự cố và xác định đối tượng chịu trách nhiệm (nếu có).

2. Báo cáo sự cố (chỉ báo cáo đối với các sự cố gây ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt và sản xuất của người dân và doanh nghiệp):

a) Ngay sau khi xảy ra sự cố đối với hệ thống cấp nước, bằng phương pháp nhanh nhất (điện thoại trực tiếp), đơn vị cấp nước phải báo cáo tóm tắt về sự cố (địa điểm, thời điểm xảy ra sự cố, mô tả sơ bộ và diễn biến sự cố, tình hình thiệt hại, đánh giá sơ bộ nguyên nhân, đề xuất biện pháp khắc phục) đến các cơ quan quản lý theo phân cấp để chỉ đạo kịp thời.

b) Trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện xảy ra sự cố đối với hệ thống cấp nước, đơn vị cấp nước phải báo cáo về sự cố bằng văn bản với các thông tin nêu trên gửi các cơ quan quản lý theo phân cấp.

3. Giải quyết sự cố:

a) Báo cáo tóm tắt về sự cố theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này ngay sau khi xảy ra sự cố.

b) Chủ động phối hợp với địa phương nơi xảy ra sự cố: Chụp ảnh, quay phim, thu thập chứng cứ, ghi chép các tư liệu cần thiết và lập hồ sơ sự cố; Lập biên bản kiểm tra hiện trường sự cố với các nội dung: địa điểm, thời điểm xảy ra sự cố, mô tả sơ bộ và diễn biến sự cố; sơ bộ về tình hình thiệt hại; sơ bộ về nguyên nhân sự cố.

c) Khẩn trương huy động con người, thiết bị thực hiện các biện pháp kịp thời để bảo đảm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra do sự cố.

4. Xử lý thiệt hại do sự cố hệ thống cấp nước:

Các tổ chức, cá nhân gây ra sự cố phải chịu trách nhiệm về thiệt hại hệ thống cấp nước do sự cố gây ra. Việc xác định mức độ thiệt hại phải đảm bảo tính chính xác và đầy đủ.

Điều 16. Bảo vệ hệ thống cấp nước

1. Chính quyền các cấp, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp với đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn.

2. Đơn vị cấp nước phải xây dựng tường rào bảo vệ khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước; phải thực hiện nghiêm ngặt chế độ đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước và các hồ chứa nước phục vụ cho khai thác, xử lý.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khi khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình khác có liên quan đến công trình cấp nước phải có sự thỏa thuận với đơn vị cấp nước, tuân thủ quy định này và các quy định pháp luật có liên quan khác.

4. Phạm vi bảo vệ công trình cấp nước thực hiện quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2008/BXD và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD (QCVN 07-1:2016/BXD _ Công trình cấp nước), cùng các quy định có liên quan khác.

5. Mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trước khi thi công các công trình có ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ công trình cấp nước phải tuân theo các quy định sau:

- a) Có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Trực tiếp liên hệ với đơn vị cấp nước có liên quan về việc thi công;
- c) Chỉ được khởi công khi đã thực hiện đầy đủ các biện pháp, đảm bảo an toàn cho các công trình cấp nước có liên quan;
- d) Khôi phục lại, nguyên trạng các khu vực đã bị thay đổi sau khi đã hoàn thành công việc.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 17. Quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước

1. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước khu vực đô thị (bao gồm các đô thị được công nhận từ loại V trở lên), khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước khu vực nông thôn.

3. Đối với các đơn vị cấp nước có phạm vi phục vụ bao gồm cả khu vực do Sở Xây dựng quản lý và khu vực do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý thì khu vực nào chi phối nhiều hơn khi xét về quy mô khách hàng sử dụng nước thì chịu sự quản lý theo phân cấp của khu vực đó; trường hợp chưa xác định rõ thì Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham gia góp ý các cơ chế, chính sách về hoạt động cấp nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp của Trung ương khi có yêu cầu; chủ trì nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách về hoạt động cấp nước trong phạm vi được phân cấp.

2. Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, thông tư, quyết định của ngành Xây dựng liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước trong phạm vi được phân cấp; quản lý chất lượng xây dựng công trình cấp nước trên địa bàn theo các quy định của pháp luật.

4. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện chương trình cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

5. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư liên quan đến hoạt động cung cấp nước khu vực đô thị, khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

6. Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình cấp nước trong phạm vi được phân cấp về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

7. Tham gia góp ý kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm của các đơn vị cấp nước.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tham gia góp ý các cơ chế, chính sách về hoạt động cấp nước nông thôn của Trung ương khi có yêu cầu; chủ trì nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách về hoạt động cấp nước trong phạm vi được phân cấp.

2. Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, thông tư, quyết định của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước trong phạm vi được phân cấp.

4. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện chương trình cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trong phạm vi được phân cấp.

5. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư liên quan đến hoạt động cung cấp nước sạch trên địa bàn nông thôn.

6. Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình cấp nước trong phạm vi được phân cấp về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7. Tham gia góp ý kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm của các đơn vị cấp nước.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định; phối hợp trong việc xây dựng các quy hoạch, kế hoạch cấp nước khi có yêu cầu.

2. Thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước trong hoạt động cấp nước; quản lý chặt chẽ các nguồn thải, các nguy cơ có thể gây ô nhiễm các nguồn nước nhất là các khu vực thượng nguồn, khu vực khai thác phục vụ sản xuất nước sạch; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các biện pháp phòng ngừa và khắc phục các vấn đề về ô nhiễm nguồn nước.

3. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc hướng dẫn, xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước cho các công trình khai thác sử dụng nước để cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Chịu trách nhiệm kiểm tra định kỳ hoặc theo yêu cầu của nhà sản xuất về chất lượng nguồn nước được quy định tại Điều 4 của Quy định này.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho các đơn vị, tổ chức cá nhân liên quan theo quy định của Bộ Y tế; chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

tỉnh và Trung tâm Y tế các huyện, thành phố tổ chức giám sát, kiểm tra chất lượng nước sạch định kỳ, đột xuất theo quy định.

3. Chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh huy động nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước; đề xuất các dự án đầu tư cấp nước sạch theo thứ tự ưu tiên trên cơ sở quy hoạch được duyệt để kêu gọi đầu tư.

2. Tham mưu bố trí kế hoạch vốn đầu tư các dự án đầu tư cấp nước thuộc nguồn ngân sách nhà nước theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan thực hiện thẩm định phương án giá bán nước sạch do đơn vị sản xuất và cung cấp nước sạch lập, phù hợp với khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt; quy chế tính giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch do nhà nước ban hành trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; tổ chức hiệp thương giá bán buôn nước sạch; tổ chức kiểm tra việc thực hiện giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, rà soát giá tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 24. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh

Hướng dẫn các đơn vị cấp nước phát hành hóa đơn sử dụng nước sạch hoặc hóa đơn điện tử theo quy định, đăng ký nộp thuế khai thác tài nguyên nước, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan trong việc triển khai các công trình hạ tầng giao thông đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh trong đó có công trình cấp nước đảm bảo tính hiệu quả.

2. Chấp thuận và tổ chức cấp giấy phép thi công các công trình thiết yếu có liên quan đến công trình cấp nước theo thẩm quyền quản lý và theo quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản

lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đồng thời, thực hiện giám sát theo phân cấp quản lý.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức thẩm định công nghệ các dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý nước sạch và kiểm tra công nghệ đã được vận hành hoạt động tại các dự án đầu tư xây dựng xử lý nước sạch.
2. Phối hợp với Sở Y tế xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
3. Cập nhật và công bố thông tin khoa học, các nghiên cứu phát minh sáng chế được công nhận ứng dụng hiệu quả trong lĩnh vực cấp nước.
4. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực đo lường đối với các phương tiện đo nằm trong danh mục quản lý nhà nước tại các đơn vị cấp nước.

Điều 27. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Phối hợp, hướng dẫn các đơn vị cấp nước bảo vệ an ninh các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch;
2. Chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện điều tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi làm ô nhiễm nguồn nước thô, nước sạch.
3. Quản lý, sử dụng hệ thống phòng cháy chữa cháy
 - a) Kiểm tra chất lượng, chủng loại, mẫu mã vật tư, thiết bị phòng cháy chữa cháy chuyên dùng trên hệ thống cấp nước chữa cháy trước khi lắp đặt;
 - b) Nhận bàn giao quản lý sử dụng có hiệu quả hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy đô thị, khu công nghiệp và cụm công nghiệp; phối hợp bảo vệ các trụ cấp nước chữa cháy;
 - c) Phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy; lập kế hoạch sử dụng nước cần thiết cho công tác phòng cháy chữa cháy hàng năm; xác nhận số lượng nước đã sử dụng cho công tác phòng cháy chữa cháy từ hệ thống cấp nước đô thị, khu công nghiệp và cụm công nghiệp làm cơ sở thanh toán tiền sử dụng nước thực tế cho đơn vị cấp nước.

Điều 28. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

1. Tổ chức lựa chọn và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước trên địa bàn do mình quản lý theo nội dung được quy định tại khoản 2, Điều 31, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính

phủ và Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

2. Thỏa thuận nội dung kế hoạch cấp nước an toàn và dịch vụ cấp nước của đơn vị cấp nước trong các khu công nghiệp do mình quản lý, đảm bảo các dịch vụ cấp nước đầy đủ, có sẵn để sử dụng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của cộng đồng.

3. Phối hợp với các đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý theo Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.

4. Phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn do đơn vị cấp nước lập trên địa bàn do mình quản lý.

5. Tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trong phạm vi quản lý về Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, 01 năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước được quy định tại khoản 9, Điều 60, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ và các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lựa chọn và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước trên địa bàn do mình quản lý theo nội dung được quy định tại khoản 2, Điều 31, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ và Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, phối hợp với các đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý theo Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan xác định ranh giới cấm mốc và quản lý nguồn nước thô theo quy định.

4. Phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn do đơn vị cấp nước lập trên địa bàn mình quản lý.

5. Phối hợp với các sở, ngành trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cung cấp nước sạch của các đơn vị cấp nước.

6. Tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm về cơ quan quản lý theo phân cấp.

7. Phối hợp với các Sở, ngành, các đơn vị có liên quan, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao ý thức về sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ công trình cấp nước sạch và lợi ích của việc sử dụng nước sạch.

Điều 30. Trách nhiệm của các đơn vị cấp nước

1. Đơn vị cấp nước sạch căn cứ khung giá tiêu thụ nước sinh hoạt; quy chế tính giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch do Nhà nước ban hành xây dựng phương án giá nước sạch, điều chỉnh giá nước sạch báo cáo Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Lập thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý các Khu công nghiệp trong phạm vi phục vụ theo nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ và Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng.

3. Lập kế hoạch cấp nước an toàn, xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch cấp nước an toàn phù hợp theo điều kiện cụ thể của hệ thống cấp nước tại địa bàn phục vụ do mình quản lý theo nội dung quy định trình Sở Xây dựng thẩm định và thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

4. Có nghĩa vụ bảo đảm việc đấu nối các khách hàng sử dụng nước sạch vào mạng lưới cấp nước sạch trong vùng phục vụ của mình.

5. Tổ chức sản xuất an toàn, cung cấp ổn định dịch vụ cấp nước cho các khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước sạch, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo quy chuẩn kỹ thuật và hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết; ưu tiên áp dụng các phương pháp, phần mềm quản lý, vận hành hiện đại, sử dụng các thiết bị, vật tư ngành nước tiên tiến, có độ bền cao và không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân; đẩy mạnh công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch, bảo vệ an toàn nguồn nước; chủ động nghiên cứu, đầu tư lắp đặt đồng hồ đo nước công nghệ mới kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin để tạo thuận lợi cho khách hàng, giảm chi phí trong việc quản lý và thu tiền sử dụng nước.

6. Phối hợp với lực lượng Công an xây dựng phương án đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch.

7. Chủ động tự tổ chức kiểm tra chất lượng nước sạch, thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin về chất lượng nước sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

8. Khi chuyển nhượng một phần hay toàn bộ quyền kinh doanh cấp nước sạch của đơn vị cấp nước sạch cho các tổ chức, cá nhân khác, doanh nghiệp, đơn vị cấp nước phải có ý kiến thỏa thuận với cơ quan nhà nước quản lý theo phân cấp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, khu công nghiệp nơi đã ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước.

9. Xây dựng, quản lý và cập nhật dữ liệu hệ thống cấp nước theo quy định tại Điều 14; định kỳ vào tháng 01 hàng năm báo cáo tình hình hoạt động cấp nước và cung cấp dữ liệu hệ thống cấp nước của đơn vị về cơ quan quản lý theo phân cấp và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý các Khu công nghiệp theo địa bàn phục vụ cấp nước.

Điều 31. Trách nhiệm của các hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân sử dụng nước trong sinh hoạt, kinh doanh

1. Khách hàng sử dụng nước phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.

2. Sử dụng nước tiết kiệm; thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây thất thoát nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.

3. Tạo điều kiện để đơn vị cấp nước kiểm tra hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ đo nước và ghi chỉ số của đồng hồ nước.

4. Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng nước đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với đặc tính kỹ thuật trang thiết bị của đơn vị cấp nước.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 32. Triển khai thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phổ biến, triển khai thực hiện Quy định này.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức khảo sát, phân định phạm vi được phân cấp theo nội dung Điều 17 của Quy định này.

Điều 33. Điều chỉnh, sửa đổi

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng